TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2021/QĐST - HNGĐ	*Yên Dũng, ngày 09 tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 71/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ : Thôn Đông K, xã Tư M, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1986.

Địa chỉ : Thôn Đông K, xã Tư M, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hữu S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hữu S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hữu S thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 07/06/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau

khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hữu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0000192 ngày 21/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên D. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên D;
- Chi cục THADS huyện Yên D;
- UBND xã Tư M, huyện Yên D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Anh